

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**  
**Tháng 05**

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 28 – 29/05/2024

**Ngày cung cấp TT:** 30/05/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Công đóng
2	11	Đầu kênh chính	Công mở hé

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí chính thức

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):* Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xả TN1 tầng mặt, Khu nuôi cá lồng I (tầng mặt), Khu nuôi cá lồng II (tầng mặt), Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt.

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):* Các vị trí đạt giới hạn trên, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m),

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Ngàn Trươi., Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông),*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh chính, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.*

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A			6.5 – 8.5		≥ 6						
QCVN 08:2023 - B			6 – 8.5		≥ 5						
QCVN 08:2023 - C			6 – 8.5		≥ 4						
QCVN 08:2023 - D			< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 98%, gió ĐN 6,4 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong, màu xanh.	7.33	14.2	7.53	0.1	0.054	0.081	14.0	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 31°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 99%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong, màu xanh.	6.36	11.2	0.00	0.1	0.280	0.119	46.0	Giá trị DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực giữa hồ	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 90%, gió ĐN 6 km/h.	6.39	15.5	7.67	0.1	0.062	0.059	13.0	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Ngân Trươi.	Không có dòng chảy, mực nước thấp, nước trong xanh, không mùi.								phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực giữa hồ Ngân Trươi.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 95%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước thấp, nước trong xanh, không mùi.	7.41	14.2	7.56	0.1	0.218	0.284	22.0	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngân Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 95%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong xanh, không mùi.	5.60	13.2	0.00	0.1	0.295	0.043	21.0	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
6	Trước	Đánh giá chất	Nắng nhẹ, nhiệt độ	5.46	18.1	0.00	0.1	0.264	0.047	25.0	Giá trị pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
	cửa xả TN1 tầng đáy	lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 95%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước thấp, nước trong xanh, không mùi.									DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Nắng nhẹ, oi nóng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 90%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước thấp. nước màu xanh rêu, có mùi tanh.	6.98	11.9	7.50	0.1	0.023	0.194	14.0		Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
8	Khu nuôi cá lồng I tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Nắng nhẹ, oi nóng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 98%, gió ĐN 6 km/h.	7.05	11.9	7.29	0.1	0.062	0.135	14.0		Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			Không có dòng chảy, mực nước thấp. nước màu xanh, có mùi tanh.								hạn A cho phép
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Nắng, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 95%, gió ĐN 6 km/h.  Không có dòng chảy, nước trong, màu xanh biếc, có mùi tanh.	6.54	15.1	7.61	0.1	0.047	0.072	14.0	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 86%, gió TN 6 km/h.  Dòng chảy nhỏ, mực nước đầy. Nước trong xanh.	5.89	16.7	5.47	0.1	0.202	0.095	24.0	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH không đạt giới hạn B cho phép
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 80%,	5.73	11.3	3.14	0.1	0.373	0.153	22.0	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	gió TN 6 km/h. Dòng chảy rất nhỏ, cống mở hé. Nước trong xanh.								DO không đạt giới hạn B cho phép
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường TH Đức Bông)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu mối.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 30°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 80%, gió TN 6 km/h. Có dòng chảy chậm, mực nước trung bình. Nước trong, màu xanh.	5.81	11.2	4.69	0.1	0.280	0.144	19.0	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn B cho phép
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Nắng nhẹ, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 85%, gió TN 7 km/h. Dòng chảy mạnh, mở 4 cửa. Nước trong xanh.	6.25	14.2	4.51	0.1	0.381	0.205	28.0	Giá trị chỉ tiêu hiện trường DO không đạt giới hạn B cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và nhà máy gỗ.	Mây u ám, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 100%, gió TN 7,6 km/h.  Có dòng chảy nhỏ, mực nước trung bình.	7.50	11.0	7.66	0.1	0.163	0.234	47.0	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Nhiều mây, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 90%, gió 7,6 km/h.  Có dòng chảy chậm, mực nước đầy. Có 1 cống xả từ nhà máy gỗ ra Khe Trươi lưu lượng xả 2 lít/giây. Nước xanh trong.	9.18	12.5	15.11	0.1	0.420	0.248	56.0	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, không đạt giới hạn B cho phép



*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

*Nơi nhận:*

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Đào Ngọc Tuấn*